

## NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA TÂM LÝ HỌC NHÂN CÁCH PROBLEMS OF PERSONALITY PSYCHOLOGY

*Lê Quang Sơn*

*Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng*

### TÓM TẮT

Nhân cách là lĩnh vực trung tâm của các nghiên cứu Tâm lý học (TLH). Tuy nhiên, TLH nhân cách lại chưa được định hình với tư cách một ngành TLH. Nhiều tác giả khi bàn đến vấn đề nhân cách thường khu trú vào khái niệm nhân cách chứ không tiếp cận nhân cách như một lĩnh vực nghiên cứu – TLH nhân cách. Bài viết dưới đây là một nỗ lực khái quát những vấn đề đã được các nhà tâm lý học nhiều thế hệ đặt ra và giải quyết trong lĩnh vực nhân cách. Từ các nghiên cứu về vấn đề nhân cách trong tâm lý học có thể chất lọc ra các vấn đề trọng tâm mà các nhà nhân cách học luôn đặt ra và đề xướng các hướng giải quyết. Đó là các vấn đề: 1) bản chất và cấu trúc nhân cách; 2) động cơ hệ; 3) sự phát triển nhân cách; 4) tâm bệnh lý; 5) sức khỏe tâm lý; và 6) thay đổi nhân cách dưới tác động của liệu pháp tâm lý. Đó cũng là những vấn đề trọng tâm cần được tiếp tục nghiên cứu bởi các thế hệ các nhà tâm lý học sau này.

### ABSTRACT

Personality is the central issue of psychological researches. However, psychology of personality has not yet been an independent branch of psychology. In discussing personality, many authors localize it in the concept of personality, but they do not approach it as a researching field – psychology of personality. This article is concerned with an attempt to discover problems which have been brought out and solved by many generations of psychologists. It is possible to bring out central problems of psychology of personality by analyzing objects examined in psychological researches. They are problems about 1) the essence and structure of personality; 2) motivation; 3) the personality development; 4) psychopathology; 5) psychological health; and 6) personality change under psychotherapy. And they are also central issues for current researches in psychology.

### 1. Đặt vấn đề

Với tư cách một khoa học độc lập Tâm lý học (TLH) được thừa nhận ra đời vào năm 1879, gắn liền với tên tuổi của W.Wundt (1832-1920). Cho đến nay TLH đã phát triển sâu vào hầu hết mọi lĩnh vực của đời sống xã hội với gần 50 ngành TLH rất phong phú như: TLH Lứa tuổi, TLH So sánh, TLH Động vật, TLH Kỹ sư, TLH Vũ trụ, TLH Y học, TLH Thần kinh, TLH Đại cương, Tâm bệnh học, TLH Sư phạm, TLH Di truyền, TLH Chẩn đoán, Tâm lý Ngôn ngữ học, Trắc đặc tâm lý, TLH Nghệ thuật, TLH Khoa học, TLH Tuyên truyền, TLH Thể thao, TLH Sáng tạo, TLH Lao động, TLH Quản lý, TLH Chính trị, TLH Trị liệu, Tâm vật lý, Tâm sinh lý, TLH Xã hội, TLH Sai biệt, TLH Kinh tế, TLH Dân tộc, TLH Pháp luật ...

Nhân cách là lĩnh vực trung tâm của các nghiên cứu TLH. Nói như L.X.Vygotsky – vấn đề nhân cách và phát triển nhân cách là vấn đề tập trung cao nhất

của toàn bộ tâm lý học. Tuy nhiên, TLH nhân cách lại chưa được định hình với tư cách một ngành TLH. Nhiều tác giả khi bàn đến vấn đề nhân cách thường khu trú vào khái niệm nhân cách chứ không tiếp cận nhân cách như một lĩnh vực nghiên cứu. Điều này dẫn đến việc phạm vi nghiên cứu bị thu hẹp và tính tổng hợp của vấn đề bị phá vỡ. Lĩnh vực nhân cách khác với các lĩnh vực khác của TLH ở chỗ, tại đây tổng hợp và hợp nhất những luận điểm có tính nguyên tắc của hầu hết các lĩnh vực khác của tâm lý học. Việc nhìn nhận nhân cách như một lĩnh vực nghiên cứu, và tiến tới phải nhìn nhận như một ngành tâm lý học – TLH nhân cách, đòi hỏi phải chỉ ra được các vấn đề của nó – những vấn đề đã, đang và cần được tiếp tục nghiên cứu. Những vấn đề đó là gì?

## 2. Nội dung

### 2.1. Khái quát về TLH nhân cách

Tên gọi TLH nhân cách do H. Murray đề xuất năm 1938. TLH nhân cách bao hàm một diện rộng những quan điểm nghiên cứu, và những quan điểm này đôi khi trái ngược nhau. TLH nhân cách hướng chủ yếu tới nghiên cứu những hành vi bình thường của con người hơn là những hành vi bất thường. Mặt khác, điểm khác biệt của tâm lý học nhân cách so với các ngành tâm lý học khác là ở chỗ nó nhấn mạnh đến *sự khác biệt cá nhân* giữa mọi người. Mặc dù các nhà tâm lý học nhân cách thừa nhận trong hành vi của con người có sự giống nhau, họ chú tâm tới việc lý giải con người khác nhau như thế nào và vì sao. Một đặc điểm khác biệt khác của TLH nhân cách là ý nghĩa đặc biệt của các phương pháp đánh giá trong nghiên cứu, lý giải, dự đoán, đề xuất các giải pháp có cơ sở trong các tình huống cụ thể. Các phương pháp nghiên cứu bao gồm: phỏng vấn, test, quan sát và ghi nhận hành vi, đo phản ứng sinh lý, phân tích các tài liệu cá nhân và tiểu sử. Mỗi hướng nghiên cứu sử dụng những *kỹ thuật đánh giá* rất khác nhau [9].

Mục đích cơ bản của tâm lý học nhân cách hiện đại là lý giải từ góc độ khoa học tại sao con người lại cư xử như thế này mà không phải thế khác, khái quát những suy đoán về bản chất con người thành những luận thuyết có thể kiểm chứng được bằng thực nghiệm chứ không dựa vào linh cảm, truyền thuyết hay khái quát hóa thông tục. Mục đích khác của tâm lý học nhân cách là giúp con người thỏa mãn hơn với cuộc sống – tập trung nghiên cứu các liệu pháp tâm lý, các chương trình dạy học, ứng xử ...

Với tư cách một lĩnh vực nghiên cứu, TLH nhân cách khác với các lĩnh vực khác ở chỗ tại đây tổng hợp và hợp nhất những luận điểm có tính nguyên tắc của các lĩnh vực khác của tâm lý học. Ví dụ, tâm lý học tri giác nghiên cứu những cấu trúc và quá trình cơ bản tạo nền tảng cho sự tri giác và hiểu thế giới xung quanh. Việc nghiên cứu tri giác được tiến hành tuân thủ theo những nguyên tắc nền tảng chuẩn xác. Tình hình cũng tương tự như trong các lĩnh vực khác của TLH – dạy học, động cơ hóa, nhận thức. Nhưng chính trong việc nghiên cứu nhân cách các nhà nghiên cứu kết hợp các bộ môn này lại trong nỗ lực hiểu con người với tư cách một thể trọn vẹn mang tính tổng hợp. Chẳng hạn: thông thường những hành vi giống nhau của hai cá thể trong cùng một thời gian hay của cùng một người trong những thời điểm khác nhau được thúc đẩy bởi những nguyên nhân khác nhau; cơ sở của hành vi là cả những nguyên nhân bên trong

lẫn tình huống trong đó hành vi xảy ra; con người đôi khi còn không lý giải được tại sao mình lại cư xử như vậy. Do đó, nhà nghiên cứu cần nắm bắt tất cả các bộ môn của tâm lý học đại cương, tính đến tất cả những tác động qua lại giữa chúng. Phải thấy được, ví dụ, tri giác phụ thuộc vào dạy học như thế nào, dạy học liên hệ với động cơ ra sao, động cơ tương quan thế nào với sự phát triển, v.v...

Tóm lại, TLH nhân cách là vùng giao nhau của các nghiên cứu về sự phát triển xã hội và trí tuệ, tâm bệnh học và sự tự hiện thực hóa, học và các quan hệ liên nhân cách, và nhiều lĩnh vực khác của TLH.

## **2.2. Những vấn đề của TLH nhân cách**

### **2.2.1. Vấn đề thứ nhất: Bản chất và cấu trúc nhân cách**

Sự nhìn nhận bản chất nhân cách là trọng tâm đầu tiên của các nghiên cứu trong lĩnh vực nhân cách. TLH đã nhanh chóng vượt ra ngoài khuôn mẫu cổ đại về nhân cách như một hình ảnh xã hội bề ngoài mà cá nhân mang khi đóng vai trong xã hội, một gương mặt xã hội quay về phía những người xung quanh. Nội hàm khái niệm nhân cách trong các luận điểm của C. Rogers, G. Allport, E. Erikson, G. Kelly, R. Cattell, A. Bandura, L.X. Vygotsky, X.L. Rubinstein hay A.N. Leontiev đã trở nên rất rộng, rộng hơn nhiều nội dung khởi đầu “hình ảnh xã hội bên ngoài”. Nó chứa đựng những nội dung quan trọng hơn, bản chất hơn và cố định hơn. Tuy nhiên các nhà nhân cách học sử dụng những nội hàm khác nhau cho khái niệm nhân cách. Việc định nghĩa nhân cách phụ thuộc vào định hướng lý luận của nhà nghiên cứu. Các nhà nhân cách học có các quan điểm khác nhau về bản chất con người. Chẳng hạn, một số nhà lý luận tin tưởng rằng nguồn gốc của các hành vi của con người nằm sâu trong các động cơ vô thức mà bản chất thực sự của nó cá thể không ý thức được, còn nguồn gốc sự động cơ hóa nằm ở quá khứ xa xưa. Những người khác lại cho rằng con người ý thức được động cơ của mình ở một mức độ tương đối cao, còn hành vi trước hết là kết quả của tình huống trước mắt. Như vậy các luận điểm xuất phát về bản chất con người của các nhà lý luận là khác nhau và do đó quan điểm của họ khác nhau. Nhà lý luận có thể ý thức được và vạch rõ được ý nghĩa của các luận điểm này nhưng cũng có thể không, hoặc đơn giản chỉ khái quát các luận cứ của mình đến mức khó có thể nhận ra luận điểm xuất phát.

Các luận điểm xuất phát ảnh hưởng một cách sâu sắc và cơ bản đến quan điểm của nhà nghiên cứu về bản chất nhân cách. Ví dụ, A.Maslow tin rằng đa số các hành vi của chúng ta là kết quả của sự lựa chọn có ý thức và tự do. Do đó, lý thuyết của ông hướng vào các phương diện “cấp cao” của bản chất con người trong cách hiểu của ông - hướng vào chỗ con người có thể trở thành ai. Lý thuyết nhân cách của ông được xây dựng tương ứng với luận điểm xuất phát này. S.Freud cho rằng hành vi về cơ bản do các yếu tố phi lý tính, không ý thức được quy định. Ý tưởng về việc hoạt động của con người ngay từ đầu đã được tiền định được ông phát triển trong lý thuyết trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến sự kiểm soát mọi hình thức hành vi của con người từ phía cái vô thức. Như vậy, A.Maslow và S.Freud đã đưa ra những quan điểm trái ngược nhau về bản chất nhân cách.

Hiện nay, các nhà nhân cách học đang dừng ở việc thừa nhận nhân cách là một khái niệm trừu tượng tập hợp nhiều phương diện khác nhau của con người: xúc cảm, động cơ, suy tưởng, trải nghiệm, tri nhận và hành động. Không thể quy nhân cách với tư cách một khái niệm về bất cứ một phương diện chức năng nào của cá thể. Nội hàm khái niệm nhân cách rất rộng - nó bao trùm một phổ rộng các quá trình tâm lý bên trong, các quá trình này quy định các đặc điểm hành vi của con người trong các tình huống khác nhau. Do vậy không thể diễn tả được khái niệm này bằng một nội hàm đơn giản nào đó.

Cấu trúc nhân cách cũng là vấn đề được tiếp cận từ nhiều góc độ (xem [4]). Luận điểm về cấu trúc nhân cách, về bản chất, mang tính giả định ngặt. Mô hình cấu trúc nhân cách là sự giả định về các yếu tố tương đối ổn định trong tâm lý con người, về cách mà các yếu tố này liên kết với nhau, tác động qua lại với nhau và chi phối hành vi của con người. Trong các lý thuyết tâm lý học ngày nay có thể chỉ ra một số kiểu xây dựng mô hình cấu trúc nhân cách sau:

1) *Mô hình “tranh ghép”*: để mô tả nhân cách các nhà nghiên cứu đề xuất một kiểu tranh ghép từ các khái niệm – các *nét nhân cách*. Gordon Allport, Raymond Cattell, Hans Eysenck – đi theo hướng này.

2) *Mô hình kiểu nhân cách*: cấu trúc nhân cách được mô tả nhờ vào luận điểm *kiểu nhân cách*. Kiểu nhân cách được mô tả dưới dạng một tập hợp nhiều nét khác nhau tạo thành một phạm trù độc lập với các giới hạn phân định rõ ràng. W.H.Sheldom, E.Kretschmer, C.G.Jung đi theo hướng nghiên cứu này.

3) *Mô hình tầng bậc*: một số nhà lý luận đưa ra những cấu trúc được xây dựng đặc biệt phức tạp và cặn kẽ trong đó các bộ phận cấu trúc liên kết với nhau bởi vô số con đường. Cấu trúc nhân cách do S.Freud đề xuất gồm 3 tầng: Id (cái Nó), Ego (cái Tôi) và Super Ego (cái Siêu Tôi), là một ví dụ về cách mô tả cấu trúc nhân cách theo tầng bậc đặc biệt phức tạp [3]. Eric Berne, tương tự, phân biệt các tầng trong nhân cách gồm: Cha mẹ (P) - Người lớn (A) - Trẻ con (E) [7].

4) *Mô hình các thành phần nội dung*: nhiều nhà lý luận đề xuất những hệ thống tổ chức đơn giản, với một số lượng giới hạn các bộ phận và chỉ một số các liên hệ giữa chúng. Ví dụ: luận điểm về các cấu trúc nhân cách do đại diện của tâm lý học nhận thức George Kelly đề xuất [10]. A.G.Kovaliev đề xuất cấu trúc nhân cách gồm bốn thuộc tính: xu hướng, khí chất, năng lực, tính cách. X.L.Rubinstein thì phân biệt: nhận thức (tri thức và năng lực trí tuệ); tình cảm; ý chí, hành động ý chí. K.K.Platonov cố gắng kiên kết mô hình tầng bậc và mô hình các thành phần nội dung trong một giả định khá phức tạp.

Sự đa dạng của các cách tiếp cận và mô hình cấu trúc nhân cách phản ánh một thực tế là nhân cách là một cấu tạo rất phức tạp. Các hình thức, phương pháp và con đường làm bộc lộ nhân cách rất đa dạng và diễn ra trên nhiều bình diện. Mặt khác, nói như E.V.Shorokhova, “trình độ của những công trình nghiên cứu tâm lý học cụ thể cho đến nay còn chưa cho phép mô tả có logic chặt chẽ và có luận chứng thực tế về cấu trúc của nhân cách” [9].

### 2.2.2. Vấn đề thứ hai: Động cơ hệ

Một trong số các câu hỏi trung tâm đối với các nhà nhân cách học là tại sao con người lại cư xử như thế này mà không phải thế khác? Các luận điểm động cơ hệ, hay nói một cách khác, *các phương diện quá trình* của sự vận hành của cá thể, tập trung vào những đặc điểm động, thay đổi của hành vi con người. Ví dụ về câu hỏi nghiên cứu trong lĩnh vực động cơ hệ: “Tại sao con người lại đặt ra cho mình những mục đích này hay khác và nỗ lực đạt được chúng?”, “Những động lực đặc thù nào buộc con người phải hành động và định hướng hành vi của họ?”.

Trong một số lý thuyết người ta cho rằng tất cả các quá trình của nhân cách - từ sự giải tỏa tình dục đến cảm giác khôi hài – đều bắt nguồn từ cố gắng của cá thể nhằm giảm bớt sự căng thẳng. Mô hình động cơ hệ như vậy được gọi là *mô hình động cơ hệ giải tỏa*. Mô hình này lần đầu tiên được S. Freud đề xướng. Ông giả định rằng các nhu cầu sinh lý (sinh học) của cá thể tạo ra sự dồn nén và điều này buộc nó phải giải tỏa bằng cách thỏa mãn các nhu cầu trên. Nhiều loại nhu cầu sống cơ bản như đói, khát, ngủ, quan hệ tình dục được dùng để lý giải động cơ hệ của con người từ góc độ giải tỏa dồn nén. Ngược với các lý thuyết giải tỏa, các nhà lý luận khác chú trọng đến nỗ lực của con người chiếm lĩnh môi trường xung quanh và khát khao giành kinh nghiệm mới với mục đích khoái cảm. Các tác giả này khẳng định cùng với sự lớn lên của con người hành vi của nó ngày càng hướng vào việc chiếm lĩnh những kỹ xảo và kỹ năng mới để nâng cao sự thành thạo hoặc để tương tác hiệu quả hơn với môi trường xung quanh, và ngày càng hướng ít hơn chỉ vào việc giảm thiểu những dồn nén.

Tất nhiên, với tư cách nhà nghiên cứu đi sau, chúng ta không thể tự giới hạn chỉ trong mô hình giải tỏa hay mô hình động cơ thành thạo. A.Maslow cho rằng một lúc nào đó cá thể được thúc đẩy bởi sự thiếu hụt của nhu cầu và khi đó nó cố gắng giải tỏa căng thẳng. Lúc khác những nhu cầu đang gia tăng kéo con người theo và khi đó nó cố gắng gia tăng căng thẳng và sử dụng điều này như phương tiện để hiện thực hóa tiềm năng nhân cách của mình. Mặc dù quan niệm khái quát như thế có vẻ hợp lý song đa số các nhà lý luận nghiêng về sử dụng một trong hai mô hình trên để lý giải động cơ hành vi của con người.

### 2.2.3. Vấn đề thứ ba: Sự phát triển nhân cách

Nếu xem xét nhân cách như tập hợp các đặc điểm ổn định, tồn tại lâu dài thì việc hiểu các đặc điểm này phát triển như thế nào có một ý nghĩa đặc biệt. Các luận điểm phát triển tập trung vào việc xem xét xem các phương diện động cơ vận hành của nhân cách thay đổi như thế nào từ tuổi ấu thơ đến trưởng thành và đến tuổi già. Lý giải những thay đổi này là vấn đề chia khóa trong lý thuyết nhân cách.

Sự phát triển nhân cách diễn ra trong suốt cuộc đời. Do đó, một số nhà nghiên cứu đề xuất mô hình giai đoạn để xem xét các pha tăng trưởng và phát triển trong cuộc sống con người. Một ví dụ của cách tiếp cận này là lý thuyết của S.Freud, trong đó sự hình thành nhân cách được xem xét dưới dạng một chuỗi các thời kỳ phát triển tâm sinh dục. Một ví dụ khác là luận điểm về 8 giai đoạn phát triển của E.Erickson. Ngược với các tác



giả trên, nhiều nhà khoa học nhấn mạnh vai trò của các quan hệ qua lại giữa cha mẹ và trẻ em như một yếu tố có ý nghĩa trong việc hiểu vấn đề phát triển. C.Rogers cho rằng trong việc hình thành cái Tôi-khái niệm (self-concept) - cả trong sức đồ nhận thức lẫn trong thái độ xúc cảm - ảnh hưởng của các định hướng và hành vi của cha mẹ có ý nghĩa to lớn. L.X.Vygotsky và sau này là A.N.Leontiev, D.B.Elconhin đề xướng các giai đoạn phát triển gắn với *tình huống xã hội của sự phát triển*, với các *hoạt động chủ đạo* của cá nhân.

Sự phát triển nhân cách bị quy định bởi một loạt các yếu tố bên ngoài và bên trong. Cái quy định từ bên ngoài bao gồm: việc cá nhân thuộc về một văn hóa xác định, thuộc một giai tầng xã hội-kinh tế và một môi trường gia đình độc đáo. Cái quy định từ bên trong bao gồm các yếu tố di truyền, sinh học, sinh lý. Việc mô tả một loạt các biến đổi đi kèm theo sự phát triển của chúng ta - những biến đổi thể chất, xã hội, trí tuệ, tình cảm, đạo đức ... cho thấy vấn đề phát triển của con người là một vấn đề vô cùng phức tạp.

Việc cá nhân thuộc về một nền văn hóa xác định, do quá trình xã hội hóa, cuối cùng sẽ dẫn đến những mô hình chuẩn trong tư duy, xúc cảm và hành vi. Cho dù chúng ta có ý thức được hay không thì môi trường văn hóa cũng hình thành trong chúng ta hình ảnh bản thân, hình thái quan hệ với những người xung quanh, các nhu cầu và phương thức thỏa mãn chúng, và cả các mục đích mà chúng ta tiến tới. Cũng như vậy, việc thuộc về một giai tầng xã hội-kinh tế xác định cũng ảnh hưởng đến các giá trị, định hướng và phong cách sống. Về bản chất, chỉ một số rất ít những phương diện phát triển của chúng ta có thể được hiểu mà không cần tính đến các nhóm mà chúng ta thuộc về. Ngay cả trong một xã hội đa nguyên việc thuộc về một giai cấp xã hội cũng thường quy định địa vị cá nhân, sự tham dự vào đời sống xã hội, đặc quyền và các khả năng mà cá nhân có. Những yếu tố xuất hiện do sự thuộc về một giai tầng xã hội ảnh hưởng đáng kể đến việc chúng ta thường gặp phải những tình huống stress hay xung đột điển hình nào, và chúng ta sẽ giải quyết ra sao trong các tình huống đó. Người ta còn chứng minh được sự phụ thuộc giữa xuất phát mắc các chứng bệnh tâm thần nhất định với việc thuộc về một giai tầng xã hội xác định. Các nghiên cứu của Myers (1984) trong 10.000 người Mỹ thuộc 5 nhóm xã hội cho thấy những người có học vấn trung học phổ thông ít gặp phải các vấn đề về sức khỏe tâm lý so với những người không tốt nghiệp trung học phổ thông; rối loạn tâm lý thường gặp hơn trong nhóm dân da đen nghèo sống ở đô thị (Gould et al., 1981).

Môi trường gia đình cũng ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển cá thể. Ở đây hình thái hành vi, niềm tin, mục đích của cha mẹ có ý nghĩa đặc biệt. Cha mẹ là khuôn mẫu bất chước, và bằng các hành động của mình tạo ảnh hưởng đối với trẻ em, các ảnh hưởng này kéo dài trong suốt cuộc sống sau này của trẻ.

Các yếu tố di truyền - ảnh hưởng đến hành vi của trẻ em nhờ cơ chế di truyền. Cùng với môi trường xung quanh các yếu tố di truyền đóng vai trò then chốt trong việc quy định sự phát triển nhân cách. Các nghiên cứu trên trẻ sinh đôi đã cho bằng chứng đáng tin cậy rằng sự ổn định xúc cảm, sự hướng ngoại, tính vị tha, sự nhút nhát, rụt rề

được di truyền khá ổn định (Rose et al., 1988; Rushton et al., 1986 [7]). Các đặc điểm nhân cách có thành phần di truyền, ít nhất, có thể hiện vừa phải, là tính tránh giao tiếp, hung tính, tính chiếm hữu, tính lãnh đạo, óc tưởng tượng và cảm giác an bình (Tellegen et al., 1988 [7]).

Những tranh luận về vai trò của các yếu tố di truyền và môi trường (tức là đối lập tự nhiên và giáo dục) đã làm nảy sinh những ý tưởng lý luận mới. Đó là các yếu tố này tương tác với nhau như thế nào để cuối cùng làm xuất hiện những đặc điểm xác định của hành vi. Các nhà lý luận theo đường hướng này cho rằng bất cứ một cá nhân nào lớn lên, trong khi chịu tác động của môi trường xung quanh, cũng phát triển dưới ảnh hưởng của các tư chất di truyền. Nói một cách khác, yếu tố di truyền đặt giới hạn cho sự phát triển những đặc điểm này hay khác, tuy nhiên, trong phạm vi giới hạn này sự phát triển của các đặc điểm bị quy định bởi các yếu tố môi trường (Scarr, Carter-Saltzman, 1982; Scarr McCartney, 1983 [7]).

Các nhà nhân cách học khác nhau ở quan niệm về ý nghĩa của vấn đề phát triển và biến đổi trong quá trình sống; ở việc mô tả các yếu tố chi phối sự phát triển; ở việc thừa nhận vai trò tương đối của các yếu tố di truyền và môi trường đối với sự phát triển nhân cách. Tuy nhiên, một lý thuyết nhân cách trọn vẹn phải lý giải sự phát triển của các cấu trúc và các quá trình cơ sở của hành vi.

#### 2.2.4. *Vấn đề thứ tư: Tâm bệnh lý*

Một vấn đề khác mà tất cả các lý thuyết nhân cách đều phải đối diện là việc lý giải nguyên nhân tại sao một số người không thể thích nghi được với những yêu cầu của xã hội và không thể hành xử có hiệu quả trong xã hội. Các nhà nhân cách học luôn quan tâm đến việc tại sao một số người lại thể hiện những hành vi bệnh lý hoặc không tương thích trong cuộc sống hàng ngày. *Etiology* - (Lý thuyết nguyên nhân) - nghiên cứu và lý giải các nguyên nhân của việc cư xử bất bình thường - là chủ đề trung tâm của phần Tâm bệnh lý của các lý thuyết nhân cách.

Trong việc lý giải nguyên nhân các hành vi bệnh lý có nhiều cách tiếp cận khác nhau. Chẳng hạn, các nhà lý luận theo định hướng tâm lý-động lực tin tưởng rằng những xung đột không được giải quyết trong thời thơ ấu có thể dẫn tới những hành vi bệnh lý ở tuổi trưởng thành. Bản thân những xung đột này xuất hiện do kết quả của sự tồn tại song song những ham muốn trái ngược nhau đối với tình dục và xâm hấn. Các xung đột dẫn đến sự phát triển những triệu chứng bệnh lý. Sau đó, do lẽ những xung đột này không được ý thức và con người không hiểu cái gì là nguyên nhân của sự xuất hiện những triệu chứng, những triệu chứng này gia tăng và làm trầm trọng thêm bệnh lý. Các nhà hành vi học, ngược lại, xem xét bản thân hành vi như một vấn đề. Họ cho rằng để lý giải hành vi bất thường không cần phải xây dựng các giả thuyết và nghiên cứu chi tiết những cơ chế sâu xa không quan sát được. Thay vào đó cần phải phân tích việc tiếp nhận các hành vi bất thường diễn ra như thế nào trong quá khứ và những yếu tố bên ngoài nào duy trì kiểu hành vi này ở hiện tại.

Một số nhà lý luận giả định rằng hành vi của con người - cả bình thường lẫn bất

thường - mang dấu ấn của môi trường gia đình, xã hội và văn hóa. Tất cả chúng ta là một phần của kết cấu gia đình, bạn bè, những người quen và cả những người không quen. Một số dạng quan hệ với những người xung quanh mà chúng ta tham dự vào có thể làm gia tăng sự sai lệch hành vi và còn có thể trở thành nguyên nhân của những sai lệch này. Những tác giả theo mô hình xã hội-văn hóa của tâm bệnh lý khẳng định rằng stress và những xung đột hàng ngày con người gặp phải có thể gây nên hay củng cố những hình thái hành vi bệnh lý.

Trong lịch sử phát triển không dài của các nghiên cứu về nhân cách, chính sự cần thiết phải phân tích nguyên nhân của các rối loạn tâm lý dẫn đến sự ra đời của một loạt cách tiếp cận. Một số lý thuyết nhân cách không chỉ lý giải nguyên nhân xuất hiện các hành vi lệch chuẩn mà còn đề xuất các nguyên tắc chữa trị. Các nghiên cứu hiện nay và trong tương lai cần phải lý giải có cơ sở vì sao một số người cảm nhận cuộc sống rất căng thẳng và không thể học được cách giải quyết các vấn đề một cách có hiệu quả.

#### 2.2.5. Vấn đề thứ năm: Sức khỏe tâm lý

Trong khi tính đến tính đa dạng của hành vi con người các nghiên cứu trong lĩnh vực nhân cách đề xuất những tiêu chí đánh giá một nhân cách khỏe mạnh. Vấn đề là ở chỗ khái niệm lối sống lành mạnh hàm chứa những gì? D. Schultz đặt vấn đề: “Nhiều nhà tâm lý học cho rằng nhiệm vụ trước hết của tâm lý học là nghiên cứu nhân cách khỏe mạnh: vậy ngành học nào sẽ nghiên cứu những hoàn cảnh sống? Sức mạnh nào có ý nghĩa hơn là nhân cách trong việc thay đổi thế giới theo hướng tốt hơn hay xấu đi? Cái gì ảnh hưởng nhiều đến nội dung cuộc sống của chúng ta hơn là sức khỏe tâm lý? [8, tr. 5].

Đa số các lý thuyết nhân cách đều xem xét cái hàm chứa sau sự bình ổn tâm lý. S.Freud, chẳng hạn, cho rằng sự vận hành của một nhân cách trưởng thành được đặc trưng bởi khả năng lao động hiệu quả và duy trì các mối quan hệ liên nhân cách tốt đẹp. Mặc dù tiêu chí sức khỏe tâm lý này có vẻ rộng và không đặc thù, nhưng khi xem xét kỹ nó làm nảy sinh những kết luận quan trọng. Theo S.Freud khả năng lao động đòi hỏi năng lực đặt trước những mục đích xa và giành được các mục đích đó, và cả khả năng vượt qua những lo sợ sao cho những lo sợ này không ảnh hưởng tiêu cực đến hành vi. Tương tự, việc nhấn mạnh đến các quan hệ xã hội tốt đẹp giả định một khả năng tận hưởng một phổ rộng các xúc cảm mà không cảm thấy lo sợ, đồng thời đem lại những nhân tố tích cực trong việc thỏa mãn các động cơ tình dục và hung tính.

Sức khỏe tâm lý cũng được xem xét trong lý thuyết tập nhiễm xã hội. Chẳng hạn, A.Bandura chú ý đến các khái niệm phản ánh khả năng thỏa mãn các yêu cầu của cuộc sống [7]. Ông cho tính tự hữu hiệu (Self-efficacy), hay sự tự ý thức khả năng lựa chọn những hình thái hành vi cần thiết cho việc đạt mục đích là đặc điểm quan trọng nhất của sự thích nghi. Hơn thế nữa, ông còn khẳng định những người tự đánh giá mình là những nhân cách mạnh mẽ sẽ đặt cho mình những nhiệm vụ khó khăn hơn, nỗ lực nhiều hơn và do đó, có thể thành công hơn trong việc đạt các mục đích của mình.

Một số nhà nhân cách học chú trọng đến việc xây dựng chân dung tâm lý của một



nhân cách khỏe mạnh và xây dựng những đơn vị cơ bản của một lối sống lành mạnh. Một ví dụ điển hình là lý thuyết tự tích cực hóa của A.Maslow, xây dựng trên cấu trúc thứ bậc các nhu cầu. Theo A.Maslow, để có sự tăng trưởng bình thường của nhân cách cần có sự dịch chuyển ý nghĩa tương đối của các nhu cầu từ các nhu cầu sơ đẳng hơn (các nhu cầu sinh học và an toàn) về phía các nhu cầu bậc cao hơn, “người” hơn (nhận thức, thẩm mỹ) [7]. A.Maslow cũng nghiên cứu những người đã hiện thực hóa được nhu cầu tự tích cực hóa và khái quát các quan sát của mình trong thuật ngữ trắc diện nhân cách trong đó bao gồm những phẩm chất như sự cảm nhận hiện thực có hiệu quả, nhu cầu được tách biệt với người khác, nhu cầu có cuộc sống riêng, sự chấp nhận mình và những người khác.

Như vậy, các tiêu chí đánh giá sức khỏe nhân cách là một vấn đề trung tâm đối với bất cứ lý thuyết TLH nhân cách nào.

#### 2.2.6. *Vấn đề thứ sáu: Thay đổi nhân cách dưới tác động của liệu pháp tâm lý*

Vấn đề tiếp theo của TLH nhân cách theo logic tất yếu là sự thay đổi nhân cách dưới tác động của liệu pháp tâm lý. Do lẽ các lý thuyết TLH nhân cách cung cấp những thông tin nhất định để hiểu nguyên nhân các chứng bệnh tâm lý, điều hiển nhiên là chúng cũng đề xuất những con đường điều chỉnh các hành vi lệch chuẩn. Đây là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với các luận cứ lý thuyết về nhân cách. Đó là vấn đề làm thế nào để giúp mọi người nâng cao được khả năng của mình, giảm thiểu những biểu hiện của hành vi không thích ứng, và có được những thay đổi tích cực trong nhân cách của mình.

Nhiều lý thuyết nhân cách đã xây dựng chi tiết những hướng chữa trị hay tư vấn [12]. Do đó không có gì đáng ngạc nhiên khi ta thấy có bao nhiêu lý thuyết thì có gần như bấy nhiêu hướng liệu pháp. Chúng khác biệt nhau không chỉ ở phương pháp chữa trị mà còn ở quan niệm của các nhà sáng lập chúng về nhân cách nói chung. Ở một cực là *lý thuyết tâm lý động lực* cho các xung đột không được ý thức và những kinh nghiệm học được thời thơ ấu là những yếu tố quyết định trong việc kiểm soát hành vi. Do đó mô hình chữa trị theo hướng tâm lý động lực tập trung vào việc giúp người bệnh khám phá những nguyên nhân và cội nguồn các xung đột thời thơ ấu, đồng thời giúp họ hiểu những xung đột này ảnh hưởng đến cuộc sống của họ khi thành niên như thế nào. Ở cực khác - *lý thuyết hành vi* cho rằng ở mức độ đáng kể hành vi bị quy định bởi các biến cố của cuộc sống và môi trường xung quanh. Họ cho rằng những người không bình thường hoặc là do khiếm khuyết trong sự thích ứng, hoặc do đã không học được những kỹ năng cần thiết để thỏa mãn các yêu cầu của cuộc sống hàng ngày, hoặc do học không đủ hay học những kỹ năng sai lệch, và những kỹ năng này được củng cố bởi một hình thức củng cố nào đó. Từ đây, đường hướng chữa trị kiểu hành vi đặt nhiệm vụ giúp mọi người học những hình thức hành vi mới thay cho những hình thức cũ, hoặc loại bỏ những phản ứng hành vi không phù hợp.

Nhờ các tác động chữa trị mà ở con người xuất hiện khả năng đánh giá lại hay thay đổi nhiều phương diện của nhân cách và hành vi: biểu tượng về mình, phong cách quan hệ liên nhân cách, các quá trình nhận thức, các phản ứng xúc cảm, các giá trị và

mục đích sống, các phương thức cấu trúc thời gian ... Đến lượt mình việc nghiên cứu kỹ lưỡng các đặc điểm nhân cách giúp ích cho việc lựa chọn các phương tiện tác động biến đổi các hình thức hành vi không mong muốn, để cá nhân có thể chuyển sang những phương thức sống hiệu quả hơn.

### 3. Kết luận

Mặc dù chưa được thừa nhận rộng rãi như một ngành TLH, song TLH nhân cách thực sự tồn tại như một lĩnh vực nghiên cứu với các vấn đề của riêng nó – những vấn đề mang tính tổng hợp và hợp nhất của TLH. Những vấn đề đó là: bản chất và cấu trúc nhân cách, động cơ hệ, sự phát triển nhân cách, tâm bệnh lý, sức khỏe tâm lý và sự biến đổi nhân cách do kết quả các tác động chữa trị. Trong TLH ngày nay tồn tại nhiều cách tiếp cận lý luận trong việc nhìn nhận và giải quyết các vấn đề này. Sự đa dạng của các cách tiếp cận, một mặt, cho thấy trình độ phát triển hiện tại của TLH nhân cách, sự đòi hỏi cấp bách đối với những cách tiếp cận mới trong việc giải quyết những vấn đề cốt lõi của khoa học. Mặt khác, nó cho thấy những triển vọng của việc giải quyết vấn đề. Và sự kỳ vọng vào khả năng của một cách tiếp cận duy nhất trong việc giải quyết rốt ráo các vấn đề của TLH nhân cách, có thể, là một sự không tưởng trong khung cảnh của sự phát triển TLH ngày nay.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- [1] Nguyễn Ngọc Bích (1988), *Tâm lý học nhân cách – Một số vấn đề lý luận*, Nxb GD.
- [2] Leontiev A.N. (1989), *Hoạt động – ý thức – Nhân cách*, Nxb GD.
- [3] Sigmund Freud (2001), *Phân tâm học nhập môn*, Nxb ĐHQGHN.
- [4] Lê Quang Sơn (2010), Về mô hình cấu trúc nhân cách trong tâm lý học, *Tạp chí Khoa học & Công nghệ*, ĐHQĐN,
- [5] Lê Quang Sơn, Nguyễn Văn Lũy (2009), *Từ điển Tâm lý học*, Nxb GD.
- [6] Trần Trọng Thủy (1992), *Khoa học chẩn đoán tâm lý*, Nxb GD, HN.
- [7] Larry A. Hjelle & Daniel J. Ziegler (1997), *Personality Theories*, McGraw-Hill, Inc.
- [8] Schultz D. (1977), *Growth Psychology: Models of the healthy personality*, New York: D. Van Nostrand.
- [9] Бурлачук Л.Ф. (2002), *Психодиагностики*, Изд. Питер.
- [10] Немов Р.С. (1995), *Психология*, Кн1, М.
- [11] Петровский В.А. (1996), *Личность в психологии*, Ростов – на – Дону.
- [12] Райгородский Д.Я. (1996), *Теории личности в Западно-Европейской и Американской психологии*, Изд. Дом “Бахрах”.